

Số: 3781 /BC-STP

An Giang, ngày 01 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi và cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 4808/SNNMT-CCTL ngày 13/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thẩm định dự thảo Quyết định quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi và cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang. Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 40 Luật Thủy lợi, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 13/05/2022 quy định phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi và cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 2 và điểm e khoản 3 Điều 3 của Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi và cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ngày 12 tháng 06 năm 2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó “23. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Sau khi sắp xếp, tỉnh An Giang có diện tích tự nhiên là 9.888,91 km², quy mô dân số là 4.952.238 người.”.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 01/7/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 167/QĐ-UBND về việc áp dụng quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Theo đó, Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND và

Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND được tiếp tục áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (cũ) cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ.

Khoản 7 Điều 40 Luật Thủy lợi quy định:

“Điều 40. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn.”.

Khoản 5 Điều 20, Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT:

“Điều 20. Các trường hợp phải cấm mốc chỉ giới

5. Căn cứ yêu cầu công tác quản lý, bảo vệ công trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trường hợp phải cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình trên địa bàn đối với kênh chìm và các trường hợp chưa được quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 21. Quy định về cột mốc và khoảng cách các mốc chỉ giới

5. Khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.”.

Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.

Khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này hoặc luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác.”.

Căn cứ quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi và cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo

vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang (thay thế Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND và Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND) là ***cần thiết và đúng thẩm quyền***.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh: khoản 1 Điều 1 dự thảo quy định:

“1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi quy định tại khoản 7 Điều 40 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 về phạm vi vùng phụ cận đối với các công trình thủy lợi khác; Các trường hợp phải cắm mốc và khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang được quy định tại khoản 5 Điều 20 và khoản 5 Điều 21 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT.”

Đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh cho rõ nghĩa và phù hợp quy định: *“Quyết định này quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác quy định tại khoản 7 Điều 40 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, các trường hợp phải cắm mốc và khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang quy định tại khoản 5 Điều 20 và khoản 5 Điều 21 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.”*

2. Đối tượng áp dụng: quyết định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

III. DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Điều 2 dự thảo quy định:

“Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Vùng phụ cận: Là vùng không gian theo phương ngang và phương thẳng đứng bao quanh công trình thủy lợi, phục vụ cho công tác bảo vệ, quản lý, khai thác công trình. Vùng phụ cận còn được gọi là hành lang bảo vệ công trình.

2. Công trình trên kênh: Là công trình dùng để lấy nước, dẫn nước, điều tiết dòng chảy và phân phối nước trên hệ thống kênh bao gồm cống trên kênh, đập, tràn, dốc nước, bậc nước, kênh chuyển nước, xiphong.

3. Trạm bơm: Là một hệ thống bao gồm các công trình, các thiết bị thủy động lực và các hệ thống thiết bị phụ trợ được bố trí để đưa nước đến nơi khác.

4. Cống trên kênh: Bao gồm cống hở, cống ngầm là công trình xây dựng để điều tiết nước và các công trình kết hợp có chức năng điều tiết nước, bảo đảm giao thông thủy trong hệ thống công trình thủy lợi.

5. Công trình phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi, gồm: Trụ sở làm việc, văn phòng làm việc, nhà quản lý, trạm quản lý, đường quản lý; thiết bị quan trắc; kho, bãi vật tư, vật liệu và các công trình, vật kiến trúc khác.”

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự cần thiết giải thích cụm từ “*Cống trên kênh*” vì cụm từ này không được sử dụng tại dự thảo Quyết định. Đồng thời, đối với các từ ngữ đã được hướng dẫn tại tiêu chuẩn quốc gia (trạm bơm, cống trên kênh) như thuyết minh của cơ quan soạn thảo thì có cần thiết phải hướng dẫn tại dự thảo hay không.

2. Điều 3 dự thảo quy định phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh, nội dung này thuộc trách nhiệm tham mưu quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường do Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo theo quy định, đồng thời, thuyết minh việc quy định là phù hợp với tình hình thực tế của địa phương vào Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo. Tuy nhiên, lưu ý cơ quan soạn thảo rà soát việc sử dụng cụm từ “*phạm vi bảo vệ công trình*” tại điểm g khoản 2 Điều 3 dự thảo cho phù hợp:

“g) Công trình phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi: Trường hợp công trình phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi đã có hàng rào bảo vệ hoặc mốc chỉ giới bảo vệ công trình, phạm vi bảo vệ công trình được xác định bằng hàng rào bảo vệ hoặc các mốc chỉ giới bảo vệ công trình; Trường hợp công trình phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi chưa có hàng rào bảo vệ hoặc mốc chỉ giới bảo vệ công trình, **phạm vi bảo vệ công trình** được tính gồm toàn bộ diện tích đất được Nhà nước giao khi xây dựng và đưa công trình vào sử dụng.”.

3. Điều 4 dự thảo quy định:

“Điều 4. Các trường hợp phải cắm mốc và khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Các trường hợp phải cắm mốc chỉ giới bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 20 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

2. Khoảng cách giữa các mốc chỉ giới của các công trình thủy lợi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 21 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT.

3. Các trường hợp phải cắm mốc chỉ giới và khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác được quy định như sau:

a) Đập của hồ chứa nước có dung tích dưới 500.000 m³: khoảng cách giữa hai mốc liền nhau tối đa 150 m.

b) Lòng hồ chứa nước có dung tích dưới 500.000 m³: khoảng cách hai mốc liền nhau tối đa 200 m.

c) Kè: khoảng cách hai mốc liền nhau tối đa 200 m.

d) Trạm bơm: khoảng cách hai mốc liền nhau tối đa 50 m.

đ) Bờ bao thủy lợi: khoảng cách hai mốc liền nhau tối đa 500 m.

e) Kênh có lưu lượng nhỏ hơn 02 m³/s hoặc chiều rộng đáy kênh nhỏ hơn 3m: khoảng cách hai mốc liền nhau tối đa 500 m.

g) Cống trên kênh: khoảng cách hai mốc liền nhau tối đa 30 m.

4. Căn cứ địa hình khu vực cấm mốc và yêu cầu quản lý, tính toán cụ thể khoảng cách hai mốc liền nhau theo quy định tại khoản 3 Điều này để triển khai cấm mốc cho phù hợp. Tại các điểm đầu, góc, cuối của phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải cấm mốc, không giới hạn khoảng cách giữa hai mốc liền kề.”.

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát việc quy định khoản 3 dự thảo đã đảm bảo nội dung được giao tại khoản 5 Điều 20 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT hay chưa:

“5. Căn cứ yêu cầu công tác quản lý, bảo vệ công trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trường hợp phải cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình trên địa bàn đối với **kênh chìm** và các trường hợp chưa được quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.”.

b) Khoản 4 Điều 4 dự thảo quy định: “4. Căn cứ địa hình khu vực cấm mốc và yêu cầu quản lý, **tính toán cụ thể khoảng cách hai mốc liền nhau theo quy định tại khoản 3 Điều này để triển khai cấm mốc cho phù hợp**. Tại các điểm đầu, góc, cuối của phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải cấm mốc, không giới hạn khoảng cách giữa hai mốc liền kề.”.

Đề nghị rà soát khoản 4 Điều 4 dự thảo, cơ quan nào có thẩm quyền **tính toán cụ thể khoảng cách hai mốc liền nhau theo quy định tại khoản 3 Điều này để triển khai cấm mốc cho phù hợp** để đảm bảo tính minh bạch trong quy định của văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp thẩm quyền được giao tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT:

“5. Khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.”.

c) Đề nghị rà soát, thống nhất việc sử dụng cụm từ “**mốc chỉ giới bảo vệ công trình**” hay “**mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình**” trong toàn bộ dự thảo

d) Nội dung dự thảo thuộc trách nhiệm tham mưu quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường do Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo theo quy định, đồng thời, thuyết minh việc quy định là phù hợp với tình hình thực tế của địa phương vào Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo.

IV. TỜ TRÌNH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Đề nghị điều chỉnh bố cục các mục I, II, IV, V của dự thảo Tờ trình theo bố cục khoản, điểm. Các khoản theo thứ tự số Ả Rập, các điểm theo thứ tự của bảng chữ cái tiếng Việt.

V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Dự thảo Quyết định được chấp thuận xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn tại Công văn số 4926/VP-NC ngày 15/4/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận đăng ký xây dựng quyết định của UBND tỉnh, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai).

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã lấy ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị có liên quan tại Công văn số 3528/SNNMT-CCTL ngày 10/04/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Quyết định quy định phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi và cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang. Cơ quan soạn thảo đã tổng hợp ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị có liên quan tại Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

VI. KẾT LUẬN

Dự thảo Quyết định đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong trường hợp cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh dự thảo theo các ý kiến tại Mục II, III, IV của Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận: *Đã*

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Công thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, httram.

GIÁM ĐỐC



Trịnh Tuấn Ngọc